

ĐỀ THI MÔN: HỆ QUẢN TRỊ CSDL ORACLE

Đề 2

Thời gian làm bài: 90 phút

(Đề thi bao gồm 4 trang - Học viên không được phép xem tài liệu)

<input type="checkbox"/> Họ và tên:	Chữ ký và họ tên Cán bộ coi thi	Điểm số:
<input type="checkbox"/> MSSV: Lớp:		Điểm chữ:
<input type="checkbox"/> Ngày thi:		

Phần 1: BẢNG TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM: (Chọn: ☐ - Bỏ chọn: ☐ - Chọn lại: ☐)

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

ĐỀ THI

PHẦN 1: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (7 điểm, 20 câu)

Câu 1. Để hiển thị những nhân viên có kí tự thứ 2 trong tên là "A", câu lệnh SQL nào là hợp lệ.

- A. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last name = '*A%';
B. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last name = '_A%';
C. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last name LIKE '*A%'
D. SELECT last_name
FROM EMP
WHERE last_name LIKE '_A%';

Câu 2. Chọn câu trả lời đúng cho hàm TO_CHAR?

- A. Chuyển 10 thành 'TEN'
B. Chuyển 'TEN' thành 10
C. Chuyển '10' thành 10
D. Tất cả đều sai

Câu 3. Mệnh đề nào sau đây sử dụng trong câu lệnh SELECT để hiển thị những người có mức lương > 500

- A. ORDER BY SALARY > 500
B. GROUP BY SALARY > 500
C. WHERE SALARY > 500
D. HAVING SALARY > 500

Câu 4. Dòng code nào sau đây bị lỗi?

- 1 CREATE TABLE FRUITS_VEGETABLES
2(QUANTITY NUMBER,
3 FRUIT_TYPE VARCHAR2,
4 FRUIT_NAME CHAR (20),
A. Dòng 1 B. Dòng 2 C. Dòng 3 D. Dòng 4

Câu 5. Chọn cách khai báo biến nào sau đây trong PL/SQL block biết rằng biến V_X có kiểu dữ liệu trùng với kiểu dữ liệu của cột MAHANG trong table HANGHOA?

- A. V_X VARCHAR2;
B. V_X NUMBER V_X VARCHAR2;
C. V_X HANGHOA.MAHANG%TYPE;
D. V_X MAHANG.HANGHOA%TYPE;

Câu 6. Điều gì làm cho vòng lặp WHILE ngừng lặp?

- A. Khi điều kiện được đánh giá là NULL
B. Khi điều kiện được đánh giá là FALSE
C. Câu lệnh EXIT luôn luôn được sử dụng để kết thúc vòng lặp.
D. Khi điều kiện được đánh giá là TRUE

Trường Đại học Công nghệ Thông tin
Khoa Hệ thống Thông tin

Câu 7. Trong SQL* Plus thực hiện câu lệnh sau:

SELECT * FROM orders;

Câu lệnh trên được sử dụng để truy xuất dữ liệu từ bảng ORDER để

- A. Cập nhật (Updating)
- B. Thêm (Inserting)
- C. Xóa (Deleting)
- D. Hiển thị (Viewing)

Câu 8. Câu lệnh nào sau đây trả về số lượng khách hàng

- A. SELECT COUNT(*) FROM customers;
- B. SELECT TOTAL(firstname) FROM customers;
- C. SELECT COUNT(customers) FROM customers;
- D. SELECT TOTAL(*) FROM customers;

Câu 9. Cấu trúc lặp nào ước lượng điều kiện trước khi vào vòng lặp và không thực hiện vòng lặp nếu giá trị của điều kiện là FALSE

- A. FOR...LOOP
- B. WHILE...LOOP
- C. LOOP
- D. GOTO

Câu 10. Khi PL/SQL block sau thực thi, giá trị V1 sẽ là gì?

```
DECLARE
    V0 INT;
    V1 BOOLEAN;
BEGIN
    BEGIN
        SELECT COUNT(*) INTO V0 FROM EMP;
    END;
    BEGIN
        V1 := SQL%FOUND;
    END;
END;
```

- A. NULL
- B. FALSE
- C. TRUE
- D. Đoạn code không làm việc.

Câu 11. Phần nào trong khối lệnh PL/SQL xử lý lỗi hoặc các điều kiện bất thường?

- A. Phần DECLARE
- B. Phần thân
- C. Phần EXCEPTION
- D. Phần ANOYMOUS

Câu 12. Trong table CHECKING, giá trị BALANCE của tài khoản có mã số 'A' (ACCOUNT_ID = 'A') trong PL/SQL sau bằng mấy?

```
BEGIN
    UPDATE checking SET balance = 5000 WHERE
account_id = 'A';
    SAVEPOINT save_A1;
    UPDATE checking SET balance = 7500 WHERE
account_id = 'A';
    SAVEPOINT save_A2;
    UPDATE checking SET balance = 3000 WHERE
account_id = 'A';
    SAVEPOINT save_A3;
    ROLLBACK TO SAVEPOINT save_A1;
END;
COMMIT;
```

A. 5000 B. 7500 C. 3000 D. 25000

Câu 13. Lệnh nào sau đây làm mất hiệu lực các trigger trên bảng EMP

- A. ALTER TRIGGERS ON TABLE EMP DISABLE;
- B. ALTER EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- C. ALTER TABLE EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- D. Không có câu lệnh nào cả

Câu 14. Lệnh nào sau đây làm mất hiệu lực các trigger trên bảng EMP

- A. ALTER TRIGGERS ON TABLE EMP DISABLE;
- B. ALTER EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- C. ALTER TABLE EMP DISABLE ALL TRIGGERS;
- D. Không có câu lệnh nào cả

Câu 15. Các quyền của System Privileges bao gồm:

- A. SELECT, INSERT, UPDATE
- B. DELETE, ALTER
- C. INDEX, REFERENCES.
- D. Tất cả các quyền trên.

Câu 16. Câu lệnh sau thực hiện điều gì?
alter user effie identified by kerberos;

- A. Tạo một user effie.
- B. Thay đổi user effie thành 1 user toàn cục.
- C. Đổi mật khẩu cho user effie.
- D. Cả 3 câu trên đều sai.

Câu 17. Đề tìm nhân viên sinh vào khoảng 1965 và 1977, câu lệnh nào sau đây là đúng?

- A. SELECT * FROM NHANVIEN
WHERE To_number(To_char(NGAYSINH,'yyyy'))
BETWEEN 1965 AND 1977
- B. SELECT * FROM NHANVIEN
WHERE To_char(NGAYSINH,'yyyy')
BETWEEN 1965 AND 1977
- C. SELECT * FROM NHANVIEN
WHERE To_number (NGAYSINH,'yyyy')
BETWEEN 1965 AND 1977
- D. Tất cả các câu đều đúng

Câu 18. Câu lệnh sau có ý nghĩa gì:

ALTER ROLE "QuanTriSV" IDENTIFIED "123456"

- A. Tạo role "QuanTriSV" có password là "123456"
- B. Thay đổi password mới cho role "QuanTriSV" là "123456"
- C. Xóa role "QuanTriSV" có password là "123456"
- D. Gán password là "123456" cho role "QuanTriSV".

Câu 19. Trong Oracle, Sequence là gì?

- A. Là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động, thường hay sử dụng trong câu lệnh CREATE trong khi tạo bảng.
- B. Là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp, thường hay sử dụng trong câu lệnh INSERT để nhập dữ liệu cho bảng.
- C. Sequence là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động, thường hay sử dụng trong câu lệnh INSERT để nhập dữ liệu cho bảng
- D. Sequence là đối tượng tạo ra một dãy số liên tiếp một cách tự động.

Câu 20. Lệnh nào sau đây dùng để cấp phát quyền:

- A. CREATE
- B. REVOKE
- C. GRANT
- D. Không có câu nào đúng

PHẦN 2: PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Cho lược đồ CSDL Quản lý bán hàng như sau:

DOCGIA (MaDG, HoTen, NgaySinh, NgayDangKi)
SACH (MaSach, TenSach, TheLoai, MaNXB)
NHAXUATBAN (MaNXB, TenNXB, Diachi, Dienthoai)
PHIEUMUON (MaDG, MaSach, NgayMuon, NgayTra)

Lưu ý: Khóa chính được gạch chân.

Viết bằng PL/SQL thực hiện các công việc sau:

1. In ra danh sách các độc giả (MaDG, HoTen) không mượn sách "Cơ sở dữ liệu". (1 điểm).
2. In ra danh sách các quyền sách không được mượn. (1 điểm)
3. Viết ràng buộc trigger sau khi thêm mới một quyền sách thì hiển thị thông báo "Đã thêm thành công". (0.5 điểm)
4. Viết thủ tục store procedure truyền vào tên nhà xuất bản, in ra danh sách các quyền sách (MaSach, TenSach) của nhà xuất bản đó. (0.5 điểm)

== HẾT ==

[illegible]